

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 108/2001/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn kế toán hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu uỷ thác

*Căn cứ vào Luật thuế xuất khẩu, Luật thuế nhập khẩu, Luật thuế GTGT;
Căn cứ Pháp lệnh Kế toán và Thống kê ban hành kèm theo Lệnh số 06/LCT-HĐNN
ngày 20/5/1988 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước;
Căn cứ Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số
1141/TC/QĐ/CĐKT ngày 01/11/1995 và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung
của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán hoạt động kinh doanh xuất nhập
khẩu uỷ thác như sau:*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Đối tượng áp dụng Thông tư này là các cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất, nhập khẩu uỷ thác thuộc mọi thành phần kinh tế.
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất, nhập khẩu uỷ thác phải thực hiện chế độ hóa đơn chứng từ đối với hàng hóa uỷ thác xuất nhập khẩu theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.
- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong quá trình hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu uỷ thác, được phản ánh vào sổ kế toán và báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định hiện hành.

II. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NHẬP KHẨU UỶ THÁC

A. KẾ TOÁN TẠI ĐƠN VỊ UỶ THÁC NHẬP KHẨU

- Khi trả trước một khoản tiền uỷ thác mua hàng theo hợp đồng uỷ thác nhập khẩu cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu mở LC,..., căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu)

Có TK 111, 112.

2. Khi nhận hàng uỷ thác nhập khẩu do đơn vị nhận uỷ thác giao trả, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

2.1. Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu uỷ thác, thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt nếu có, căn cứ vào hóa đơn xuất trả hàng của bên nhận uỷ thác nhập khẩu và các chứng từ liên quan, ghi:

2.1.1. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế thì thuế GTGT của hàng nhập khẩu sẽ được khấu trừ, ghi:

a/ Nếu đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu nộp hộ các khoản thuế vào NSNN, ghi:

Nợ TK 151, 152, 156, 211 (Giá trị hàng nhập khẩu không bao gồm thuế GTGT hàng nhập khẩu)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu).

b/ Nếu đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu làm thủ tục kê khai thuế nhưng đơn vị uỷ thác tự nộp thuế vào NSNN thì giá trị hàng nhập khẩu được phản ánh như bút toán tại điểm a. Khi nộp các khoản thuế vào NSNN, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu)

Có TK 111, 112.

2.1.2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu dùng vào hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc dùng vào hoạt động được trang trải bằng nguồn kinh phí khác thì thuế GTGT hàng nhập khẩu không được khấu trừ, ghi:

a/ Nếu đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu nộp hộ các khoản thuế vào NSNN, ghi:

Nợ TK 152, 156, 211 (Giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả các khoản thuế phải nộp)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu).

b/ Nếu đơn vị nhận uỷ thác làm thủ tục kê khai thuế, nhưng đơn vị uỷ thác tự nộp các khoản thuế vào NSNN, thì giá trị hàng nhập khẩu được kế toán như bút toán tại điểm a. Khi nộp thuế vào NSNN, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu)

Có TK 111, 112.

2.2. Phí uỷ thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận uỷ thác, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 151, 152, 156, 211

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu).

2.3. Số tiền phải trả đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu các khoản chi hộ cho hoạt động nhận uỷ thác nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 151, 152, 156, 211

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu).

3. Khi trả tiền cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu về số tiền hàng còn lại, tiền thuế nhập khẩu, tiền thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu nhờ đơn vị nhận uỷ thác nộp hộ vào NSNN), phí uỷ thác nhập khẩu và các khoản chi hộ, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu)

Có TK 111, 112.

4. Trường hợp đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu chuyển trả hàng uỷ thác nhập khẩu chưa nộp thuế GTGT, ghi:

4.1. Khi nhận hàng, căn cứ phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu, kế toán phản ánh giá trị hàng nhập khẩu uỷ thác theo giá đã có thuế GTGT hàng nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 152, 156, 211 (Giá trị hàng nhập khẩu bao gồm các khoản thuế phải nộp)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán. (Chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu)

4.2. Khi nhận hóa đơn GTGT hàng uỷ thác nhập khẩu của đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu, kế toán phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

4.2.1. Trường hợp hàng hóa uỷ thác nhập khẩu còn tồn kho, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 152, 156, 211.

4.2.2. Trường hợp hàng hóa uỷ thác nhập khẩu đã xuất bán, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

B. KẾ TOÁN TẠI ĐƠN VỊ NHẬN ỦY THÁC NHẬP KHẨU

1. Khi nhận của đơn vị uỷ thác nhập khẩu một khoản tiền mua hàng trả trước để mở LC,..., căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (Chi tiết cho từng đơn vị giao uỷ thác nhập khẩu).

2. Khi chuyển tiền hoặc vay ngân hàng để ký quỹ mở LC (nếu thanh toán bằng thư tín dụng), căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 144 - Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 111, 112, 311.

3. Khi nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hóa, ghi:

3.1. Số tiền hàng uỷ thác nhập khẩu phải thanh toán hộ với người bán cho bên giao uỷ thác, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi trên đường (Nếu hàng đang đi đường)

Nợ TK 156 - Hàng hóa (Nếu hàng về nhập kho)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết cho từng người bán).

Trường hợp nhận hàng của nước ngoài không nhập kho chuyển giao thẳng cho đơn vị uỷ thác nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết đơn vị uỷ thác nhập khẩu)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết người bán nước ngoài).

3.2. Thuế nhập khẩu phải nộp hộ cho đơn vị uỷ thác nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi trên đường

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (Chi tiết thuế nhập khẩu).

Trường hợp nhận hàng của nước ngoài không nhập kho chuyển giao thẳng cho đơn vị uỷ thác nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết đơn vị uỷ thác nhập khẩu)

Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (Chi tiết thuế nhập khẩu).

3.3. Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu phải nộp hộ cho đơn vị uỷ thác nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi trên đường

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

Trường hợp nhận hàng của nước ngoài không qua nhập kho chuyển giao thẳng cho đơn vị uỷ thác nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (Chi tiết đơn vị uỷ thác nhập khẩu)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

3.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp hộ cho đơn vị uỷ thác nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi trên đường

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt.